

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỎA TỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tạm thời các biện pháp hành chính “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo số 07-TB/BCĐ ngày 27/11/2021 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh; xét đề nghị của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch Covid-19 để áp dụng các biện pháp hành chính “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 34 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 43 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 32 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 02 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 02 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 07 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Thời gian áp dụng từ **00 giờ 00, ngày 29/11/2021**. Riêng đối với các đơn vị nếu chuyển từ cấp độ dịch thấp sang cấp độ dịch cao hơn thì thời gian áp dụng sau 48 giờ so với thời gian quy định tại Điều này.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3.

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ vào phân loại cấp độ dịch Covid-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

2. Hàng tuần, Sở Y tế chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ diễn biến tình hình dịch Covid-19, kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 phù hợp.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm cập nhật Bản đồ cấp độ dịch Covid-19 tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế, Bộ GTVT;
- BCĐQG phòng, chống dịch Covid-19;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- BCĐ phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu



PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 34 16/QĐ-UBND, ngày 28/11/2021 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
I	HUYỆN CHÂU THÀNH	270		<8	X	
1	Xã An Hiệp	367			X	
2	Thị trấn Châu Thành	182			X	
3	Xã Phú Tân	213			X	
4	Xã An Ninh	143		X		
5	Xã Hồ Đắc Kien	141		X		
6	Xã Phú Tâm	302		<8	X	
7	Xã Thiện Mỹ	60		X		
8	Xã Thuận Hòa	286			X	
II	HUYỆN CÙ LAO DUNG	29	X			
9	Xã An Thạnh 1	33	X			
10	Thị trấn Cù Lao Dung	8	X			
11	Xã Đại Ân 1	10	X	<8		
12	Xã An Thạnh 2	65		X		
13	Xã An Thạnh Nam	14	X			
14	Xã An Thạnh 3	23	X			
15	Xã An Thạnh Đông	14	X			
16	Xã An Thạnh Tây	20	X			
III	HUYỆN KẾ SÁCH	258		<8	X	
17	Xã Xuân Hòa	67		X		
18	Thị trấn An Lạc Thôn	69		X		
19	Xã Trinh Phú	98		X		
20	Thị trấn Kế Sách	897			X	
21	Xã Thới An Hội	460			X	
22	Xã An Lạc Tây	134		X		
23	Xã An Mỹ	195			X	
24	Xã Ba Trinh	104		X		
25	Xã Đại Hải	2	X			
26	Xã Kế An	243			X	
27	Xã Kế Thành	414			X	
28	Xã Nhơn Mỹ	126		X		
29	Xã Phong Năm	36	X			



Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
IV	HUYỆN LONG PHÚ	85		X		
30	Xã Tân Thạnh	80		X		
31	Xã Long Đức	19	X			
32	Xã Tân Hưng	65		X		
33	Xã Long Phú	65		X		
34	Xã Trường Khánh	103		X		
35	Xã Hậu Thạnh	28	X			
36	Xã Châu Khánh	27	X			
37	Thị trấn Đại Ngãi	65		X		
38	Thị trấn Long Phú	169			X	
39	Xã Phú Hữu	57		X		
40	Xã Song Phụng	3	X			
V	HUYỆN MỸ TÚ	152			X	
41	Xã Thuận Hưng	134		X		
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	62		X		
43	Xã Mỹ Thuận	225			X	
44	Xã Mỹ Phước	59		X		
45	Xã Long Hưng	359			X	
46	Xã Hưng Phú	45	X			
47	Xã Mỹ Hương	91		X		
48	Xã Mỹ Tú	25	X			
49	Xã Phú Mỹ	104		X		
VI	HUYỆN MỸ XUYÊN	40	X			
50	Xã Thạnh Quới	10	X			
51	Xã Đại Tâm	44	X			
52	Xã Tham Đôn	16	X			
53	Xã Thạnh Phú	11	X			
54	Xã Gia Hòa 2	0	X			
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	84		X		
56	Xã Hòa Tú 2	15	X			
57	Xã Ngọc Đông	14	X			
58	Xã Ngọc Tố	174			X	
59	Xã Gia Hòa 1	6	X			
60	Xã Hòa Tú 1	10	X			



Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
VII	HUYỆN THẠNH TRỊ	182			X	
61	Thị trấn Phú Lộc	63		X		
62	Xã Tuân Tức	30	X			
63	Thị trấn Hưng Lợi	121		X		
64	Xã Thạnh Trị	64		X		
65	Xã Lâm Tân	185			X	
66	Xã Thạnh Tân	258			X	
67	Xã Vĩnh Lợi	117		X		
68	Xã Châu Hưng	76		X		
69	Xã Lâm Kiệt	352			X	
70	Xã Vĩnh Thành	142		X		
VIII	HUYỆN TRẦN ĐỀ	349			X	
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	1603			X	
72	Xã Tài Văn	47	X			
73	Thị trấn Trần Đề	460			X	
74	Xã Thạnh Thới Thuận	61		X		
75	Xã Liêu Tú	148		X		
76	Xã Thạnh Thới An	193			X	
77	Xã Đại Ân 2	30	X			
78	Xã Lịch Hội Thượng	207			X	
79	Xã Trung Bình	122		X		
80	Xã Viên An	97		X		
81	Xã Viên Bình	55		X		
IX	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	299			X	
82	Phường 1	68		X		
83	Phường 2	253			X	
84	Phường 3	299			X	
85	Phường 4	331			X	
86	Phường 5	529			X	
87	Phường 6	315			X	
88	Phường 7	172			X	
89	Phường 8	233			X	
90	Phường 9	293			X	
91	Phường 10	335			X	



Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
X	THỊ XÃ NGÃ NĂM	52		X		
92	Phường 1	15	X			
93	Phường 2	71		X		
94	Phường 3	54		X		
95	Xã Mỹ Quý	52		X		
96	Xã Vĩnh Quý	58		X		
97	Xã Tân Long	6	X			
98	Xã Long Bình	67		X		
99	Xã Mỹ Bình	0	X			
XI	THỊ XÃ VĨNH CHÂU	152			X	
100	Xã Vĩnh Hải	84		X		
101	Xã Lạc Hòa	128		X		
102	Phường 1	97		X		
103	Phường 2	34	X			
104	Xã Hòa Đông	17	X			
105	Phường Khánh Hòa	46	X			
106	Xã Vĩnh Hiệp	0	X			
107	Xã Lai Hòa	135		X		
108	Phường Vĩnh Phước	303			X	
109	Xã Vĩnh Tân	401			X	
TOÀN TỈNH		180	CẤP 3		X	
Tổng cộng	Cấp xã		34	43	32	
	Cấp huyện		2	2	7	
	Cấp tỉnh				1	

